

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 12 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thùy D, địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã N, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Nguyễn Hồng H, địa chỉ: XX, ấp L, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Hồng H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 02 tháng 02 năm 2015. Vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, gây mất hạnh phúc gia đình; vợ chồng đang sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn ông H; về con chung không có; về tài sản chung và nợ, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Hồng H trình bày: Ông H xác nhận ông và bà D cưới nhau ở thời điểm trước năm 2015, nhưng đến năm 2015 mới đi đăng ký kết hôn; ông H

thừa nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, cũng không thiếu nợ ai. Về mâu thuẫn vợ chồng ông H cho rằng không có gì lớn, chỉ vì bà D thường liên lạc với chồng cũ, trong lúc tức giận ông H có đánh bà D một lần, nhưng ông H cho biết hiện nay ông cũng vẫn còn thương yêu vợ và muốn được hàn gắn, không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Nguyễn Hồng H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà D nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, tính tình không hợp nhau nên luôn xảy ra mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà D yêu cầu ly hôn ông H. Đối với ông H, khi cung cấp lời khai cho Tòa án thì ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và ông vẫn còn thương yêu vợ nên muốn hàn gắn. Tuy nhiên khi Tòa án mời tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông H tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà D kiên quyết xin ly hôn, không muốn quay lại cuộc sống vợ chồng với ông H nữa, ông H thì muốn hàn gắn nhưng không được bà D chấp nhận; do đó xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Bà D và ông H đều xác nhận không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn ông Nguyễn Hồng H.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002746, ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- **UBND xã X, huyện K-ST;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu